



SỞ Y TÊ TỈNH ĐẮK LẮK  
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM  
THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM

ĐC: 75 Lê Duẩn, T/p Buôn Ma Thuột  
ĐT: 02623.852214

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

MPT: G-080/23/TP

Tên mẫu : **NƯỚC SẠCH**  
(Nước sau xử lý - Công trình cấp nước sinh hoạt xã Ea Bar, huyện Buôn Đôn)

Tên khách hàng : Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường Nông thôn tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ : 32 Phan Chu Trinh, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Mô tả mẫu : Nước đựng trong chai nhựa, đóng kín nắp

Thời gian lưu mẫu : Không

Ngày lấy mẫu : 12/04/2023

Ngày nhận mẫu : 12/04/2023

Thời gian kiểm nghiệm : Từ ngày 12/04/2023 đến ngày 26/04/2023

Tài liệu kèm theo : Không

Kết quả kiểm nghiệm :

TT	CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM	ĐVT	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	KẾT QUẢ	SỐ VỚI QCVN 01-1:2018/BYT
1	Độ màu (*)	TCU	HD.02.76/KNĐL	7,8	15
2	Mùi vị	-	HD.02.78/KNĐL	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ.
3	Độ đục (*)	FNU	HD.02.65/KNĐL	0,50	2
4	pH(*)	-	TCVN 6492:2011	8,0	6,0 – 8,5
5	Clo dư	mg/l	HD.02.69/KNĐL	0,30	0,2 – 1,0
6	Hàm lượng Amoni	mg/l	HD.02.86/KNĐL	Không phát hiện (LOD = 0,03)	0,3
7	Chỉ số Pecmanganat (*)	mg/l	HD.02.68/KNĐL	Không phát hiện (LOD = 0,3)	2
8	Hàm lượng Clorua(*)	mg/l	TCVN 6194:1996	17	250 /300

Các bản trích, sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm Đắk Lắk.

BM.04/QT.08/KNĐL/2023(01)

Trang 1 / 3

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

MPT: G-080/23/TP

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	KẾT QUẢ	SỐ VỚI QCVN 01-1:2018/BYT
9	Độ cứng tính theo CaCO <sub>3</sub> (*)	mg/l	TCVN 6224:1996	179	300
9	Hàm lượng Mangan tổng số (*)	mg/l	HD.02.75/KNĐL	Không phát hiện (LOD = 0,06)	0,1
11	Hàm lượng Nitrat(*)	mg/l	TCVN 6180:1996	0,79	2
12	Hàm lượng Nitrit(*)	mg/l	TCVN 6178:1996	< LOQ (LOQ = 0,05)	0,05
13	Hàm lượng Sắt tổng số (*)	mg/l	SMEWW3500-Fe B	< LOQ (LOQ = 0,01)	0,3
14	Asen(**)	mg/l	TS-KT-QP-28:2021	0,007	0,01
15	Natri (Na) (**)	mg/l	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	16,6	200
16	Sunfua (S <sup>2-</sup> ) (**)	mg/l	EPA 376.2	Không phát hiện (LOD = 0,03)	0,05
17	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/l	TS-KT-QP-28:2021	Không phát hiện (LOD = 0,0002)	0,001
18	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (**)	mg/l	SMEWW 2540 C:2017	252	1000

Các bản trích, sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm Đắk Lắk.

BM.04/QT.08/KNĐL/2023(01)

Trang 2 / 3

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

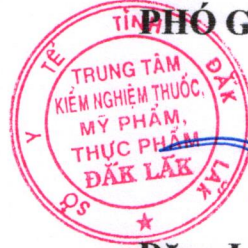
MPT: G-080/23/TP

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	PHƯƠNG PHÁP KIỂM NGHIỆM	KẾT QUẢ	SỐ VỚI QCVN 01-1:2018/BYT
19	<i>Coliforms</i> (**)	CFU/100ml	ISO 9308:2014	Không phát hiện (LOD=1)	<3
20	<i>Escherichia coli</i> (**)	CFU/100ml	ISO 9308-1:2014	Không phát hiện (LOD=1)	<1
21	<i>Staphylococcus aureus</i> (**)	CFU/100ml	TS-KT-VS-115 (SMEWW 9213B:2017)	Không phát hiện (LOD=1)	<1
22	<i>Pseudomonas aeruginosa</i> (**)	CFU/100ml	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	Không phát hiện (LOD=1)	<1

Ghi chú: LOD, LOQ: Giới hạn phát hiện và giới hạn định lượng của phương pháp;  
(\*): Phương pháp được VILAS công nhận (ISO/IEC 17025:2017);  
(\*\*): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

Đắk Lắk, ngày 26 tháng 4 năm 2023

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đặng Lê Hoài Linh**

Các bản trích, sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm Đắk Lắk.

**BM.04/QT.08/KNĐL/2023(01)**

Trang 3/ 3